

Số: /2025/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công
địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính
phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công
Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày
21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày
29/9/2017 của Bộ Công Thương V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một
số nội dung của nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính Phủ về
Khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ
sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của
Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban Nhân
dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi cụ thể cho các
hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra
số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
Nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thực hiện theo khoản 2, Điều 1 Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

Điều 2. Nguồn kinh phí khuyến công địa phương

1. Ngân sách tỉnh bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Ngoài nguồn kinh phí nêu trên, khuyến khích huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của hoạt động khuyến công.

Điều 3. Mức chi cụ thể đối với hoạt động khuyến công địa phương

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng (bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp học nâng cao để trở thành giáo viên dạy nghề) và văn bản hướng dẫn hiện hành của tỉnh Đắk Lắk có liên quan; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

3. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn áp dụng theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, tập huấn, hội nghị, hội thảo và diễn đàn trong và ngoài nước:

a) Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, tập huấn, hội nghị, hội thảo và diễn đàn trong nước áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày

11/10/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

5. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam áp dụng theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

6. Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06/5/2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

7. Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

9. Chi ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk Quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Cổng, Trang thông tin điện tử; Bản tin của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 24/11/2021.

10. Chi thuê chuyên gia áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

11. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh. Mức chi do cấp thẩm quyền quyết định, phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể.

12. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

13. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 800 triệu đồng/mô hình.

14. Chi hỗ trợ đối với mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 90 triệu đồng/mô hình.

15. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 400 triệu đồng/mô hình.

16. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

17. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng, vận chuyển, trang trí và chi phí cho cán bộ tham gia thực hiện.

18. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực gian hàng; chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

19. Chi tổ chức bình chọn và cấp, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn và cấp, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/lần.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm.

20. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn (thương) hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn (thương) hiệu.

21. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

22. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo quy định hiện hành.

23. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 70 triệu đồng/hội, hiệp hội.

24. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

d) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

25. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thẩm định: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, chi công tác phí, xăng xe, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi giám sát đề án 500

nghìn đồng/01 đề án; chi thẩm định đề án 50 nghìn đồng/người/01 đề án; nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có).

b) Đối với các tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

26. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

27. Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa....Kỳ họp thứ thông qua ngàytháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; UBMTTQVN;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TX, TP;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- TTCN và Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa